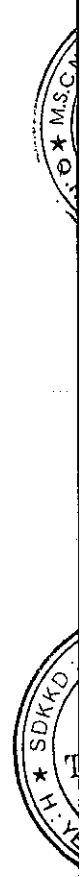


Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty

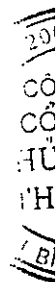
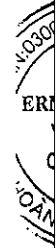
Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	10 - 29



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 3 năm 2017
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên	
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2017
Bà Vũ Thị Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2017



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited Tel: + 84 4 3831 5100
8th Floor, CornerStone Building Fax: + 84 4 3831 5090
16 Phan Chu Trinh Street ey.com
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Số tham chiếu: 61201381/19317728/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Văn phòng Công ty"), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

001-C.T.M
Y
DUNG
M
JH
P.H.A.M

CTCP
THÁC BÀ



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Công ty đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi đề ngày 3 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		420.965.843.413	424.076.406.630
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	66.550.895.819	24.229.101.167
111	1. Tiền		6.550.895.819	24.229.101.167
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		288.513.820.166	353.566.645.773
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	288.513.820.166	353.566.645.773
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		60.380.005.848	39.268.987.868
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	42.992.379.450	28.243.174.142
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		112.441.141	278.666.109
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.445.757.337	10.997.719.697
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(170.572.080)	(250.572.080)
140	IV. Hàng tồn kho	8	4.997.595.715	5.056.329.439
141	1. Hàng tồn kho		4.997.595.715	5.056.329.439
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	12	523.525.865	1.955.342.383
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		173.959.047	1.310.404.515
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		349.566.818	644.937.868
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		435.038.042.649	455.717.002.327
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.952.227.300	-
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	21	3.952.227.300	-
220	II. Tài sản cố định		397.615.716.590	421.707.350.408
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	379.940.827.200	403.814.044.458
222	Nguyên giá		1.450.664.104.794	1.460.386.108.991
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.070.723.277.594)	(1.056.572.064.533)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	17.674.889.390	17.893.305.950
228	Nguyên giá		20.635.322.400	20.635.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.960.433.010)	(2.742.016.450)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	2.925.645
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.925.645
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		32.619.000.000	32.619.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2	32.619.000.000	32.619.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		851.098.759	1.387.726.274
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		851.098.759	1.387.726.274
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		856.003.886.062	879.793.408.957

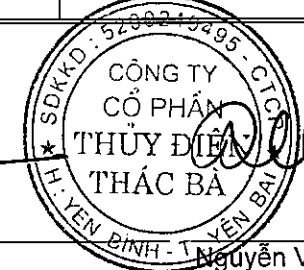
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.531.403.637	41.614.522.912
310	I. Nợ ngắn hạn		21.531.403.637	41.614.522.912
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	148.073.310	9.036.050.757
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.082.374.036	841.977.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	7.897.139.954	3.015.944.262
314	4. Phải trả người lao động		5.467.989.772	7.955.190.066
316	5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	21	3.525.999.465	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	2.055.364.466	20.035.916.393
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.354.462.634	729.443.634
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		834.472.482.425	838.178.886.045
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	834.472.482.425	838.178.886.045
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		199.472.482.425	203.178.886.045
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		136.359.582.432	156.508.517.125
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		63.112.899.993	46.670.368.920
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		856.003.886.062	879.793.408.957

AS

LM



NVQ

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2017

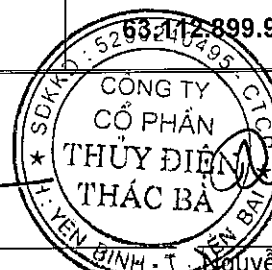
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	126.949.458.466	138.940.956.713
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	126.949.458.466	138.940.956.713
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(50.451.520.985)	(46.808.814.543)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		76.497.937.481	92.132.142.170
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	13.412.038.311	10.857.524.298
22	7. Chi phí tài chính		(37.916.667)	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(11.351.778.011)	(12.390.002.717)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		78.520.281.114	90.599.663.751
31	11. Thu nhập khác		3.181.815	82.143.394
32	12. Chi phí khác		(679.351)	(21)
40	13. Lợi nhuận khác		2.502.464	82.143.373
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		78.522.783.578	90.681.807.124
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(15.409.883.585)	(18.129.048.270)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		63.112.899.993	72.552.758.854

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		78.522.783.578	90.681.807.124
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9,10	21.938.059.714	21.544.772.443
03	Các khoản dự phòng		(80.000.000)	(174.212.500)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.2	(13.412.038.311)	(10.857.524.298)
06	Chi phí lãi vay		37.916.667	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		87.006.721.648	101.194.842.769
09	Tặng các khoản phải thu		(15.388.470.447)	(21.414.817.042)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		58.733.724	(356.577.367)
11	Giảm các khoản phải trả		(4.647.873.662)	(4.267.447.610)
12	Giảm chi phí trả trước		536.627.515	826.365.783
14	Tiền lãi vay đã trả		(37.916.667)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20.2	(11.790.255.250)	(19.428.343.594)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		54.745.452	601.262.114
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.374.981.000)	(4.611.317.156)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		53.417.331.313	52.543.967.897
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(798.653.196)	(4.414.321.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(29.159.547.200)	(42.703.109.891)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		94.212.372.807	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.012.465.828	10.420.929.932
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) vào hoạt động đầu tư		71.266.638.239	(36.696.500.959)

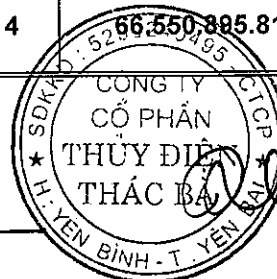
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		5.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.000.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(82.362.174.900)	(50.641.687.230)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(82.362.174.900)	(50.641.687.230)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		42.321.794.652	(34.794.220.292)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		24.229.101.167	53.782.863.176
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	66.550.895.819	18.988.642.884

AS

le



Handwritten signature of Nguyễn Văn Quyền

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Số lượng nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 75 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 140).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà có chi nhánh như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty (bao gồm Văn phòng và chi nhánh) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 vào ngày 3 tháng 8 năm 2017.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này chỉ trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty nên đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính của Công ty và chi nhánh nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty và chi nhánh.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Văn phòng Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Văn phòng Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Văn phòng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Văn phòng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

NHỮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Văn phòng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng cho các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Văn phòng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Văn phòng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Văn phòng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Văn phòng Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14 tháng 1 năm 2015 ký giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Văn phòng Công ty được xác lập.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào Văn phòng công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Văn phòng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

802
VG T
NHH
& Y
T N/
HÁ
NỘ
M -



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

001
Y

DUN
M
NH
I
P

1/1/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	235.456.535	391.233.039
Tiền gửi ngân hàng	6.315.439.284	23.837.868.128
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	66.550.895.819	24.229.101.167

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – chi nhánh Yên Bái, có kỳ hạn 3 tuần - 1 tháng và hưởng lãi suất 1% đến 5,3%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

5.1 Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	288.513.820.166	288.513.820.166	353.566.645.773	353.566.645.773
TỔNG CỘNG	288.513.820.166	288.513.820.166	353.566.645.773	353.566.645.773

Trong đó:

<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng</i>	288.513.820.166	288.513.820.166	295.735.442.729	295.735.442.729
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng là bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	-	-	57.831.203.044	57.831.203.044

(*) Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, trong đó, kỳ hạn 6 tháng hưởng lãi suất 6,2%/năm và kỳ hạn 12 tháng hưởng lãi suất từ 6,8%/năm đến 7,2%/năm.

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Giá trị VND</i>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000	32.619.000.000
TỔNG CỘNG	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000	32.619.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà nắm giữ 0.6% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCoM và có mức giá giao dịch bình quân trong 5 ngày cuối tháng 6 năm 2017 vào khoảng 9.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu từ khách hàng	4.978.122.252	5.018.142.985
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	3.375.259.187	1.780.825.180
- Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Thí nghiệm điện	-	2.171.291.463
- Các công ty khác	1.602.863.065	1.066.026.342
Phải thu của khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 21)	38.014.257.198	23.225.031.157
TỔNG CỘNG	42.992.379.450	28.243.174.142
Dự phòng phải thu khó đòi	(170.572.080)	(250.572.080)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu tiền lãi	14.715.007.981	8.314.811.398
Tạm ứng cho nhân viên	83.282.000	281.416.370
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của cán bộ công nhân viên của Công ty	465.373.259	507.751.881
Phải thu khác	2.182.094.097	1.893.740.048
TỔNG CỘNG	17.445.757.337	10.997.719.697

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	4.684.323.758	-	4.734.865.572	-
Công cụ, dụng cụ	313.271.957	-	321.463.867	-
TỔNG CỘNG	4.997.595.715	-	5.056.329.439	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	649.871.632.649	787.493.923.770	17.724.176.684	5.178.921.343	117.454.545	1.460.386.108.991
- Mua trong kỳ	-	798.653.196	-	-	-	798.653.196
- Điều chuyển (*)	-	(9.453.168.334)	(1.067.489.059)	-	-	(10.520.657.393)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	649.871.632.649	778.839.408.632	16.656.687.625	5.178.921.343	117.454.545	1.450.664.104.794
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	3.880.014.975	299.492.930.277	11.511.207.334	4.867.483.885	-	319.751.636.471
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	431.684.299.334	604.541.659.974	15.387.760.569	4.903.433.471	54.911.185	1.056.572.064.533
- Khấu hao trong kỳ	10.801.629.188	10.628.989.122	257.274.016	25.878.101	5.872.727	21.719.643.154
- Điều chuyển (*)	-	(6.708.586.491)	(859.843.602)	-	-	(7.568.430.093)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	442.485.928.522	608.462.062.605	14.785.190.983	4.929.311.572	60.783.912	1.070.723.277.594
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	218.187.333.315	182.952.263.796	2.336.416.115	275.487.872	62.543.360	403.814.044.458
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	207.385.704.127	170.377.346.027	1.871.496.642	249.609.771	56.670.633	379.940.827.200

(*) Văn phòng Công ty đã điều chuyển một số tài sản cố định sang Trung tâm dịch vụ Kỹ thuật theo Nghị quyết số 709/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 19 tháng 5 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>20.558.322.400</u>	<u>77.000.000</u>	<u>20.635.322.400</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>20.558.322.400</u>	<u>77.000.000</u>	<u>20.635.322.400</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>2.693.662.280</u>	<u>48.354.170</u>	<u>2.742.016.450</u>
- Hao mòn trong kỳ	<u>205.583.224</u>	<u>12.833.336</u>	<u>218.416.560</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.899.245.504</u>	<u>61.187.506</u>	<u>2.960.433.010</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>17.864.660.120</u>	<u>28.645.830</u>	<u>17.893.305.950</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>17.659.076.896</u>	<u>15.812.494</u>	<u>17.674.889.390</u>

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán ngắn hạn	93.621.016	93.621.016	938.524.834	938.524.834
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	<u>54.452.294</u>	<u>54.452.294</u>	<u>8.097.525.923</u>	<u>8.097.525.923</u>
TỔNG CỘNG	<u>148.073.310</u>	<u>148.073.310</u>	<u>9.036.050.757</u>	<u>9.036.050.757</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp/cần trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	2.236.283.159	15.409.883.585	11.790.255.250	5.855.911.494
Thuế giá trị gia tăng	19.797.754	10.246.559.595	10.266.357.349	-
Thuế tài nguyên	759.863.349	14.060.875.827	12.779.510.716	2.041.228.460
Thuế thu nhập cá nhân	-	976.045.537	976.045.537	-
TỔNG CỘNG	<u>3.015.944.262</u>	<u>40.693.364.544</u>	<u>35.812.168.852</u>	<u>7.897.139.954</u>
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	644.937.868	-	295.371.050	349.566.818
Thuế giá trị gia tăng	1.310.404.515	645.588.904	1.782.034.372	173.959.047
TỔNG CỘNG	<u>1.955.342.383</u>	<u>645.588.904</u>	<u>2.077.405.422</u>	<u>523.525.865</u>

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phí môi trường rừng	1.556.788.440	503.234.160
Cổ tức phải trả	183.348.690	19.224.963.690
Khác	315.227.336	307.718.543
TỔNG CỘNG	<u>2.055.364.466</u>	<u>20.035.916.393</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	635.000.000.000	78.789.742.471	70.710.862.106	57.935.963.710	842.436.568.287
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	72.552.758.854	72.552.758.854
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
- Trích quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	-	-	(50.800.000.000)	(50.800.000.000)
- Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(305.592.000)	(305.592.000)
- Điều chuyển sang Lợi nhuận sau thuế	-	(78.789.742.471)	(70.710.862.106)	149.500.604.577	-
- Tăng khác	-	-	-	5.677.540.838	5.677.540.838
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	635.000.000.000	-	-	229.061.275.979	864.061.275.979

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	635.000.000.000	-	-	203.178.886.045	838.178.886.045
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	63.112.899.993	63.112.899.993
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
- Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(63.500.000.000)	(63.500.000.000)
- Thủ lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách (*)	-	-	-	(267.024.000)	(267.024.000)
- Giám khác	-	-	-	(52.279.613)	(52.279.613)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	635.000.000.000	-	-	199.472.482.425	834.472.482.425

(*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức và trích thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết số 383/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-
TỔNG CỘNG	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (31 tháng 12 năm 2016: VND 10.000).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Cổ đông	Đơn vị tính: VND	
	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (công ty mẹ)	383.651.680.000	60.42%
Vốn góp của Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3	190.500.000.000	30.00%
Vốn góp của các cổ đông khác	60.848.320.000	9.58%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

14.3 Cổ tức

Cổ tức đã công bố trong kỳ	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2016 (đợt 2): VND 1.000/cổ phiếu	63.500.000.000	-
Cổ tức cho năm 2015 (đợt 2): VND 800/cổ phiếu	-	50.800.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ tài chính		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	76.200.000.000	-
<i>Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2016: 10.000 đồng Việt Nam).

15. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	394	394
- Đô la Singapore (SGD)	4.840	4.840

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Tổng doanh thu	126.949.458.466	138.940.956.713
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán điện	126.837.949.375	133.693.642.528
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.509.091	5.247.314.185
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	126.949.458.466	138.940.956.713

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU (tiếp theo)

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.912.038.311	8.757.524.298
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.500.000.000	2.100.000.000
TỔNG CỘNG	<u>13.412.038.311</u>	<u>10.857.524.298</u>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	50.411.520.984	45.743.378.253
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	40.000.001	1.065.436.290
TỔNG CỘNG	<u>50.451.520.985</u>	<u>46.808.814.543</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nhân công	5.870.531.456	4.933.515.331
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.081.970.241	1.192.570.191
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.399.276.314	6.263.917.195
TỔNG CỘNG	<u>11.351.778.011</u>	<u>12.390.002.717</u>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	868.244.032	1.847.724.425
Chi phí nhân công	15.585.570.307	12.666.719.262
Chi phí khấu hao và hao mòn	21.938.059.714	21.544.772.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.656.087.755	2.926.013.609
Chi phí khác	21.755.337.188	20.213.587.521
TỔNG CỘNG	<u>61.803.298.996</u>	<u>59.198.817.260</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Văn phòng Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Văn phòng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.409.883.585	17.726.559.979
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	402.488.291
TỔNG CỘNG	<u>15.409.883.585</u>	<u>18.129.048.270</u>

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Văn phòng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Văn phòng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.522.783.578	90.681.807.124
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản phạt	679.351	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	-	344.999
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	25.955.000	50.647.774
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.500.000.000)	(2.100.000.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	<u>77.049.417.929</u>	<u>88.632.799.897</u>
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	15.409.883.585	17.726.559.979
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	2.236.283.159	5.950.781.908
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	402.488.291
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(11.790.255.250)	(19.428.343.594)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	<u>5.855.911.494</u>	<u>4.651.486.584</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Văn phòng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	126.837.949.375	133.693.642.528
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	32.400.188.000	30.530.800.000
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	38.100.000.000	15.240.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền lãi cho vay	4.221.677.822	3.741.270.040
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	Bên liên quan với cổ đông lớn	Mua hàng	894.990.000	4.122.600.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	-	57.831.203.044
			-	57.831.203.044
Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	38.014.257.198	23.225.031.157
			38.014.257.198	23.225.031.157
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh	Cấp vốn kinh doanh	1.000.000.000	-
		Tài sản điều chuyển	2.952.227.300	-
			3.952.227.300	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)</i>				
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	Bên liên quan với cổ đông lớn	Mua hàng	-	4.122.600.000
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải trả tiền điện đầu vào	54.452.294	3.974.925.923
			<u>54.452.294</u>	<u>8.097.525.923</u>
<i>Phải trả nội bộ ngắn hạn</i>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh	Thu hộ chi nhánh phí dịch vụ liên quan đến kỹ thuật và đào tạo	3.525.999.465	-
			<u>3.525.999.465</u>	<u>-</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng	847.701.723	836.453.968
TỔNG CỘNG	<u>847.701.723</u>	<u>836.453.968</u>

22. CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Văn phòng Công ty có khoản cam kết khoảng 9,9 tỷ VND chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm các máy móc, thiết bị mới phục vụ cho hoạt động sản xuất của Văn phòng Công ty.

